

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty T1; địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô A thuộc khu chức năng số A - số A đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I, chức vụ Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ; địa chỉ trụ sở: Số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền số 49/2025/UQ-KK-SVFC ngày 29/9/2025);

- Người được ủy quyền lại: Ông Trần Quang H, sinh năm 2002; căn cước công dân số 045202003789; địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường T, thành phố H (Theo văn bản ủy quyền số 41/UQ.2025 ngày 25/10/2025);

* **Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh ngày 17/5/2000; căn cước công dân số 046200012973; địa chỉ: TDP P, phường D, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Lê Văn T công nhận còn nợ của Công ty T1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày ngày 04/02/2026 tổng cộng là 124.053.831 đồng. Trong đó nợ gốc là 54.380.117 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.662.350 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.011.364 đồng. Cụ thể:

- Đối với hợp đồng cho vay tiêu dùng số 101209941 ngày 09/01/2023 là 37.619.996 đồng. Trong đó nợ gốc là 15.782.733 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.164.769 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.672.494 đồng.

- Đối với hợp đồng cho vay tiêu dùng số 101335150 ngày 19/4/2023 là 86.433.835 đồng. Trong đó nợ gốc là 38.597.384 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.497.581 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.338.870 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 số tiền gốc và lãi tổng cộng là 124.053.831 đồng. Trong đó nợ gốc là 54.380.117 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.662.350 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.011.364 đồng.

Ông Lê Văn T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Công ty T1 các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/02/2026 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: $(124.053.831 \text{ đồng} \times 5\%) \times 50\% = 3.101.345 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 3.101.000 đồng).

Các bên đương sự thoả thuận ông Lê Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.101.000 đồng (*Ba triệu một trăm lẻ một nghìn đồng*).

Công ty T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.488.285 đồng (*Hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*) mà Công ty T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000247 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình